

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2024

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA  
LUẬT QUY HOẠCH, LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG  
THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ, LUẬT ĐẦU THẦU**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch**

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:**

~~“5. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn. Quy hoạch có tính chất, kỹ thuật, chuyên ngành.”.~~

**2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

~~“1. Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước.”;~~

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

~~“4. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh.”.~~

**3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:**

**“Điều 9. Chi phí cho hoạt động quy hoạch**

~~1. Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.~~

~~2. Chi phí đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.~~

**Phương án 1:**

~~1. Chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn đầu tư~~

*công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

*2. Chi phí rà soát và đánh giá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

*3. Chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

*4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. ”.*

### **Phương án 2**

*“1. Chi phí lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

*2. Chi phí thẩm định, rà soát và đánh giá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

*3. Chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

*4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. ”.*

### **4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 2 như sau:

“n) Danh mục *dự kiến* dự án quan trọng quốc gia và ~~thứ tự ưu tiên thực hiện~~”;

b) Sửa đổi bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia tại khoản 2 Điều này; ~~quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tổng thể quốc gia.~~

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

## 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 2 như sau:

“n) Danh mục *dự kiến* dự án quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia tại khoản 2 Điều này; ~~quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch không gian biển quốc gia.~~

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

## 6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 25 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 3 như sau:

“g) Danh mục *dự kiến* dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 như sau:

“d) Danh mục *dự kiến* dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo vệ môi trường quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

“d) Danh mục *dự kiến* các dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng quốc gia và thứ tự ưu tiên thực hiện;”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tại khoản 3, 4, 4a và 5 Điều này; ~~quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tỉnh.~~

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 4a, 5, và 6 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

## 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:

“g) Danh mục dự án *dự kiến quan trọng của vùng* và thứ tự ưu tiên thực hiện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch vùng tại khoản 2 Điều này; ~~quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch vùng.~~



Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

### **8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 27 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 2 như sau:

“o) Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch tỉnh tại khoản 2 Điều này; ~~quy định việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tỉnh.~~

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để triển khai các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

### **9. Bổ sung khoản 3 vào Điều 45 như sau:**

“3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

### **10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 47 như sau:**

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ~~ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch sử dụng đất và bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch tỉnh.~~

### **11. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:**

#### **“Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch**

1. Quy hoạch được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 54 hoặc Điều 54a Luật này khi có một trong các căn cứ được quy định tại Điều 53 Luật này.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt việc điều chỉnh quy hoạch.

3. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.

4. Việc điều chỉnh quy hoạch không làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 53 của Luật này.”.

### **12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 52 như sau:**

“1. Quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm kể từ năm đầu của thời kỳ quy hoạch để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.”.



### **13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 53 như sau:**

“1. Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch; yêu cầu triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ.”.

### **14. Bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 như sau:**

#### **“Điều 54a. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi xuất hiện các căn cứ được quy định tại Điều 53 Luật này trong các trường hợp sau:

a) Quy hoạch mâu thuẫn hoặc khác với quy hoạch cao hơn hoặc quy hoạch cùng cấp;

b) Việc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ làm thay đổi tiến độ, thông số, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của dự án trong Danh mục dự án dự kiến xác định trong quy hoạch nhưng không làm thay đổi quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển; định hướng, phương án phát triển, phân bố và tổ chức không gian, nguồn lực; bảo đảm phù hợp với quy hoạch cao hơn, không mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp có liên quan và đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch quy định tại Điều 21 của Luật này.”.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch rút gọn:

#### **Phương án 1:**

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch rà soát quy hoạch cần điều chỉnh, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch kèm theo dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan;

c) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

#### **Phương án 2:**

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch rà soát quy hoạch cần điều chỉnh và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch kèm theo dự thảo văn bản quyết

*định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi xin ý kiến của cơ quan có liên quan;*

*b) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, báo cáo cơ quan tổ chức lập quy hoạch xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.*

**3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.**

**15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 55 như sau:**

*“2. Thủ tướng Chính phủ ban hành, điều chỉnh kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.”;*

**16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 56 như sau:**

*“1. 1. Ban hành, điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh.”.*

**17. Sửa đổi, bổ sung quy hoạch tại số thứ tự 11 tại Phụ lục II về Danh mục các quy hoạch có tính kỹ thuật, chuyên ngành như sau:**

TT	TÊN QUY HOẠCH	VĂN BẢN QUY ĐỊNH
1.	<del>Quy hoạch xây dựng</del> Quy hoạch đô thị và nông thôn	<del>Luật Xây dựng số 50/2014/QH13</del> Luật Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn số ...

**18. Bãi bỏ Điều 28; điểm c khoản 2 Điều 45; khoản 3 Điều 47; khoản 5 Điều 59 và Phụ lục III.**

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư**

**1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 31 như sau:**

*“d) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng ~~thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng~~ có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển đặc biệt, cảng biển loại I”.*

**2. Bãi bỏ điểm h khoản 1 Điều 31.**

**3. Bổ sung điểm đ và e vào sau điểm d khoản 1 Điều 32 như sau:**

*“đ) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất.*

*e) Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt”.*



#### 4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 33 như sau:

“a) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có);

**Đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung”.**

#### 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 47 như sau:

“đ) Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm, **trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48”.**

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 47 sau đây:

“3a. Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng, ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án đầu tư gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường cấp quốc gia.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự án gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường tại khoản này. Thông báo gồm các nội dung về nhà đầu tư thực hiện dự án; mục tiêu, địa điểm, nội dung dự án, quá trình thực hiện dự án; đánh giá tác động hoặc nguy cơ ảnh hưởng của dự án đối với môi trường; kiến nghị về việc ngừng toàn bộ hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư.

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng toàn bộ hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư”.

#### 6. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 48 như sau:

“a1) Nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được điều chỉnh tiến độ theo các trường hợp quy định tại Điều 41 của Luật này và điều chỉnh tiến độ thực hiện thêm 12 tháng khi không được điều chỉnh tiến độ theo Điều 41 của Luật này, **trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;**”

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

## **1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:**

a) Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e khoản 16 như sau:

“e1. Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Build - Transfer, sau đây gọi là hợp đồng BT);”;

b) Bổ sung khoản 17a vào sau khoản 17 như sau:

“17a. Mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (sau đây gọi là mô hình TOD) là giải pháp quy hoạch, cải tạo, chỉnh trang và phát triển đô thị, lấy điểm kết nối giao thông đường sắt đô thị hoặc điểm kết nối giao thông có sử dụng phương thức vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn khác làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng trong khoảng cách đi bộ đến phương tiện giao thông công cộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, sức khoẻ cộng đồng, giảm phương tiện giao thông cơ giới cá nhân, giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường, kết hợp với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa;”.

## **2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước;”;

b) Bổ sung điểm e và điểm g vào khoản 1 như sau:

“e) Văn hóa; thể thao;

g) Hạ tầng chợ.”;

\*Phương án 1:

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 4.

\*Phương án 2:

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP được quy định như sau:

a) Không thấp hơn 200 tỷ đồng đối với dự án thuộc lĩnh vực quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này; trường hợp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư thì không thấp hơn 50 tỷ đồng;

b) Không thấp hơn 50 tỷ đồng đối với dự án thuộc lĩnh vực quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều này;



c) Quy định về quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu tại điểm a và điểm b khoản này không áp dụng đối với dự án theo loại hợp đồng O&M và loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán.”.

### **3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:**

“b) Hội đồng thẩm định liên ngành thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

c) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trừ trường hợp nhiệm vụ thẩm định được giao cho đơn vị trực thuộc cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.”.

### **4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 như sau:**

a) Sửa đổi đoạn đầu khoản 1 như sau:

“1. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 2a và 2b Điều này, quy trình dự án PPP được quy định như sau:”;

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M, quy trình dự án PPP được quy định như sau:

a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, công bố dự án;

b) Lựa chọn nhà đầu tư;

c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;

d) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.”;

c) Bổ sung khoản 2b vào sau khoản 2a như sau:

“2b. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, quy trình dự án PPP được quy định như sau:

a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, dự thảo hợp đồng do nhà đầu tư đề xuất;

b) Phê duyệt dự án và dự thảo hợp đồng; công bố dự án;

c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP theo đề xuất của nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án PPP;

d) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.”;

### **5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:**

a) Sửa đổi khoản 1 như sau: Sửa tương ứng thẩm quyền của Quốc hội như dự thảo Luật Đầu tư công

b) Sửa đổi khoản 2 như sau: Sửa tương ứng thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ như dự thảo Luật Đầu tư công

c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của địa phương, dự án PPP quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật này được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương làm cơ quan có thẩm quyền, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”.

## **6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi có thể được thực hiện trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư.”;

b) Sửa đổi đoạn đầu khoản 2 như sau:

“2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2a và khoản 2b Điều này, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:”

c) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Sự cần thiết đầu tư; lợi thế đầu tư theo phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác; tác động của việc thực hiện dự án theo phương thức PPP đối với cộng đồng dân cư trong phạm vi dự án trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, hiệp hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư;

b) Mục tiêu; địa điểm; đánh giá hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu và máy móc, thiết bị của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

c) Thuyết minh yêu cầu về phương án tổ chức quản lý, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;

d) Thông tin hợp đồng dự án gồm: thời hạn hợp đồng; phân tích rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro của dự án;

đ) Các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư;

e) Tổng mức đầu tư; phương án tài chính của dự án; kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư; khả năng huy động vốn để thực hiện dự án;

g) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.”;

d) Bổ sung khoản 2b vào sau khoản 2b như sau:

“2b. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.”.

#### **7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:**

“2. Căn cứ điều kiện cụ thể từng dự án, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau:

a) Lựa chọn danh sách ngắn trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư;

b) Tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án quy định tại Chương II Luật này nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.”

#### **8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 45 như sau:**

a) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Hợp đồng BT là hợp đồng được ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) để xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (sau đây gọi chung là công trình BT) và chuyển giao công trình BT cho cơ quan có thẩm quyền sau khi hoàn thành. Việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Bằng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, tài sản công, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Bằng quyền thực hiện dự án tại vùng phụ cận với các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển theo mô hình TOD;

c) Bằng ngân sách nhà nước;

d) Không yêu cầu thanh toán.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Dự án quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật này được áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng nhưng phải được đánh giá tác động, lấy ý kiến rộng rãi đối tượng bị tác động bởi dự án trước khi phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư.”.

#### **9. Bổ sung Điều 45a vào sau Điều 45 như sau:**

“Điều 45a. Cơ chế hợp đồng BT

1. Hợp đồng BT thanh toán bằng tài sản công



a) Cơ quan có thẩm quyền căn cứ quy hoạch để xác định công trình BT, quỹ đất dự kiến thanh toán để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi. Trong đó xác định công trình BT và quỹ đất có giá trị tương đương và được thanh toán bù trừ khi thực hiện quyết toán công trình BT hoàn thành theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Quỹ đất dùng để thanh toán cho nhà đầu tư là đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc được thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại để đồng thời thực hiện đầu tư xây dựng công trình BT và dự án được thực hiện trên quỹ đất thanh toán;

d) Nhà đầu tư được giao đất thực hiện dự án đối ứng sau khi đã khởi công, hoàn thành tối thiểu 50% giá trị công trình theo hợp đồng BT, hoàn thành trách nhiệm ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu áp dụng) theo quy định tại hợp đồng BT. Dự án đối ứng có sử dụng đất chỉ được kinh doanh, khai thác sau khi công trình thực hiện theo hợp đồng BT đã hoàn thành và chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để tổ chức khai thác.

2. Hợp đồng BT thanh toán bằng quyền thực hiện dự án tại vùng phụ cận với các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển theo mô hình TOD (sau đây gọi là BT+TOD)

a) Cơ quan có thẩm quyền căn cứ quy hoạch để xác định các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển theo mô hình TOD (sau đây gọi là công trình BT) và các quỹ đất thuộc vùng phụ cận công trình BT để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi;

b) Quỹ đất dùng để thực hiện dự án tại vùng phụ cận là đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc được thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Cơ quan có thẩm quyền của dự án PPP có quyền giao đất, cho thuê đất đối với quỹ đất thực hiện công trình BT và quỹ đất để thực hiện dự án vùng phụ cận cho nhà đầu tư thực hiện dự án;

d) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và giao đất, cho thuê đất theo tiến độ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước

a) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật để xác định tổng mức đầu tư của công trình BT; nguồn, tiến độ thanh toán ngân sách nhà nước cho nhà đầu tư và các nội dung cần thiết khác theo quy định. Tổng mức đầu tư được xác định theo quy

định của pháp luật về xây dựng và chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư;

b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật và yêu cầu về tài chính để đầu tư, xây dựng công trình;

c) Nhà đầu tư được thanh toán sau khi toàn bộ công trình BT hoặc hạng mục công trình BT được nghiệm thu hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng;

d) Nguồn vốn thanh toán được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công (tiến độ thanh toán cần phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm) hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công (được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT).

#### 4. Hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán

a) Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, ký kết hợp đồng dự án theo quy định của Luật này và pháp luật về xây dựng;

b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức giám sát quá trình xây dựng, thi công công trình, nghiệm thu công trình hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công;

c) Sau khi hoàn thành xây dựng công trình, nhà đầu tư chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền mà không yêu cầu thanh toán chi phí đầu tư xây dựng.

5. Đối với công trình BT có yêu cầu năng lực, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý, vận hành, bảo dưỡng của nhà đầu tư, tùy điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan có thẩm quyền được áp dụng kết hợp loại hợp đồng BT quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này với các loại hợp đồng khác theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này để yêu cầu nhà đầu tư quản lý, vận hành, bảo dưỡng công trình BT sau khi hoàn thành xây dựng công trình.

#### 10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 52 như sau:

a) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Nhà đầu tư được chi trả chi phí trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sau đây:

a) Trường hợp quy định tại các điểm a, b và đ khoản 2 Điều này và các bên hợp đồng được xác định thuộc trách nhiệm chi trả của cơ quan ký kết hợp đồng;

b) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do lỗi của cơ quan ký kết hợp đồng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Chi phí chi trả cho nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2a Điều này được thực hiện như sau:

a) Sử dụng từ nguồn kinh phí mua lại doanh nghiệp theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

b) Sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.”

c) Bổ sung khoản 6a như sau:

“6a. Trường hợp chấm dứt do lỗi của nhà đầu tư quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này thì nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư thay thế.”

### **11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 69 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Chi trả phần giảm doanh thu, chi phí chi trả chi phí trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP không phân chia dự án thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án trong trường hợp chi phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không bảo đảm khả năng hoàn vốn;

b) Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP gồm các dự án PPP thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% tổng mức đầu tư của từng dự án thành phần trong trường hợp chi phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án thành phần và phương án tài chính sơ bộ của dự án thành phần đó không bảo đảm khả năng hoàn vốn;

c) Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP gồm nhiều dự án thành phần, trong đó chi phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được tách thành dự án thành phần sử dụng vốn đầu tư công, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP;

d) Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP thuộc dự án đầu tư công có nhiều dự án thành phần, trong đó dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP không bao gồm chi phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP.”

### **12. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 70 như sau:**



“4. Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.”

**13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 như sau:**

“3. Cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu quy định tại khoản 2 Điều này phải được xác định tại quyết định chủ trương đầu tư. Chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu phải được quy định tại hợp đồng dự án và được chi trả từ một hoặc các nguồn vốn sau đây:

- a) Nguồn dự phòng ngân sách trung ương, dự phòng ngân sách địa phương;
- b) Nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;
- c) Nguồn vốn của doanh nghiệp đầu tư tài chính và kinh doanh vốn Nhà nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này.

**14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 91 như sau:**

“1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tài chính trong đầu tư theo phương thức PPP và cơ chế thanh toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT.”.

**15. Sửa đổi, bổ sung Điều 101 như sau:**

a) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án. Trường hợp pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án không có quy định thì thực hiện theo quy định của Luật này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

“c) Dự án đã ký kết hợp đồng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện việc triển khai thực hiện dự án, thanh toán theo quy định của hợp đồng BT đã ký kết và quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng BT đã ký kết có nội dung chưa phù hợp với pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhưng có thể sửa đổi nội dung chưa phù hợp thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thỏa thuận, đàm phán với nhà đầu tư để sửa đổi, bổ sung hợp đồng BT để tiếp tục thực hiện dự án, thanh toán theo quy định của pháp luật tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

Trường hợp không thể sửa đổi nội dung chưa phù hợp của hợp đồng BT đã ký kết hoặc việc thỏa thuận, đàm phán với nhà đầu tư để sửa đổi, bổ sung hợp đồng không thành công, cơ quan có thẩm quyền được thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với nhà đầu tư. Trong trường hợp này, nếu nội dung chưa phù hợp của hợp đồng do lỗi của nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải chịu toàn bộ rủi ro và không được bồi hoàn chi phí đã bỏ ra; nếu do lỗi của cơ quan có thẩm

quyền thì cơ quan này bố trí ngân sách để thanh toán bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cho nhà đầu tư; nếu do lỗi của cả hai bên thì các bên được thỏa thuận, xác định chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;”;

c) Bãi bỏ điểm d khoản 5;

d) Bổ sung điểm e vào sau điểm d khoản 5 như sau:

“e) Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền được ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trường hợp hợp đồng dự án đã xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý trong phương án tài chính thì các khoản này được tính vào tổng mức đầu tư dự án.”

#### **Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu**

##### **1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 5 như sau:**

“a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác được đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam”.

##### **2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11 như sau:**

“a. Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế là điều kiện ràng buộc trong đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay”.

##### **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 22 như sau:**

“2. Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu hạn chế là điều kiện ràng buộc trong đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay”.

##### **4. Bổ sung Điều 29 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 29 như sau:

“Lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp nước ngoài hoặc quốc tế;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 29 như sau:

“e) Gói thầu thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao, bao gồm: tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình và phương tiện thông tin đại chúng khác trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao kinh phí tuyên truyền trực tiếp ký hợp đồng với các cơ quan này để thực hiện; tổ chức chương trình nghệ thuật đặc biệt; hợp tác sản xuất phim, sản xuất phim;”.

d) Bổ sung điểm h1, h2, h3 và h4 vào sau điểm h khoản 1 Điều 29 như sau:

**“h1) Gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra;**

**h2) Trường hợp cần lựa chọn nhà thầu để cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ cho đại biểu; cho thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan như trang trí, khánh tiết, nước uống...) mà do yêu cầu thực tế phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu và đáp ứng yêu cầu tiến độ cần thực hiện gấp;**

**h3) Gói thầu công tác đối ngoại và mua quà tặng phục vụ đón đoàn khách cấp cao nước ngoài thăm chính thức và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại;**

**h4) Gói thầu dịch vụ các công ty xếp hạng tín nhiệm quốc tế; gói thầu hệ thống thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT”**

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 Điều 29 như sau:

**“Trường hợp dự án, gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu.”**

e) Sửa đổi khoản 2 Điều 29 như sau:

**“2. Thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được quy định như sau:**

**a) Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;**

**b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao theo từng lĩnh vực phụ trách về sự cần thiết và điều kiện đặc thù của một hoặc các yếu tố cần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ cho gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm đó;**

**c) Người có thẩm quyền của dự án, dự toán mua sắm quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản 1 Điều này.”**

g) Sửa đổi khoản 3 Điều 29 như sau:



“Văn bản đề nghị phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt phải nêu rõ lý do không thể đáp ứng điều kiện về lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của luật này, trừ các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, h1, h2, h3 và h4 khoản 1 Điều này.”.

#### 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

##### “Điều 42. Đấu thầu trước

1. Đấu thầu trước là việc thực hiện một số quy trình, thủ tục đấu thầu trước khi dự án được phê duyệt hoặc trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài nhằm mục đích đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

2. Chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc: khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Các công việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt.

##### 3. Các gói thầu có thể thực hiện đấu thầu trước:

a) Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định được chính xác phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;

c) Gói thầu tư vấn lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;

d) Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được chủ đầu tư và nhà tài trợ nước ngoài thống nhất cho phép thực hiện đấu thầu trước.

4. Đối với gói thầu quy định tại khoản 3 Điều này, các nội dung trong đấu thầu được thực hiện trước khi dự án được phê duyệt hoặc trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài bao gồm:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Xác định danh sách ngắn (nếu có);

c) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

d) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

***đ) Xét duyệt trúng thầu, xác định nhà thầu trúng thầu.***

*Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt; đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc ký kết hợp đồng có thể thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài khi được nhà tài trợ nước ngoài chấp thuận.”*

***5. Trường hợp dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không được ký kết, chủ đầu tư hủy thầu các gói thầu đấu thầu trước và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.”***

**6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 45 như sau:**

*“Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế; đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể quy định tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước”.*

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng .... năm 2021.

**Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch đã được bố trí trước ngày luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp hoạt động quy hoạch đã được bố trí kinh phí trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng cần bổ sung thêm kinh phí hoặc nhiệm vụ lập quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được bố trí kinh phí thì thực hiện bổ sung hoặc bố trí kinh phí theo quy định tại khoản 5 Điều ... Luật này.

2. Việc điều chỉnh quy hoạch thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật này đã thực hiện lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan đối với báo cáo điều chỉnh quy hoạch và dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được phê duyệt điều chỉnh thì được quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật này.

3. Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được ban hành thì cơ quan lập kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh rà soát và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Luật này.

4. Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày luật này có hiệu lực trường hợp cần điều chỉnh thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Luật này.

.....